

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S5 ...

Listening: .....

Ngày giao bài: Thứ..., ngày..../....

Mini Test: .....



Ngày nộp bài: Thứ..., ngày..../....

## GLOBAL ENGLISH 5

### Unit 8: Rainforests - Vocabulary 1 & KET Listening

#### A. VOCABULARY

##### ★ Rainforests

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>forest floor</b> (comp.n)	tầng rừng, lớp đất trong rừng	5	<b>weather condition</b> (comp.n)	điều kiện thời tiết
2	<b>greenhouse gas</b> (comp.n)	khí nhà kính	6	<b>release</b> (v)	thả ra, giải phóng
3	<b>breathe in/out</b> (phr.v)	hít vào/thở ra	7	<b>mineral</b> (n)	khoáng chất
4	<b>vital medicine</b> (n.phr)	thuốc quan trọng, thiết yếu			

##### ★ Rainforests resources

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>rubber</b> (n)	cao su	4	<b>container</b> (n)	vật chứa, hộp, thùng
2	<b>latex</b> (n)	mủ cao su	5	<b>cut off</b> (phr.v)	cắt đứt, cô lập
3	<b>bark</b> (n)	vỏ cây	6	<b>process</b> (v)	xử lý, chế biến

##### ★ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>offer</b> (v)	đề nghị	3	<b>throw sth out</b> (phr.v)	vứt thứ gì ra ngoài
2	<b>possibility</b> (n)	khả năng, có thể	4	<b>pay a visit</b> (phr)	ghé thăm

\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr = phrase: cụm từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.  
comp.n = compound noun: cụm danh từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **I dòng** vào vở ghi.

#### B. CLASSWORK

##### \*\*\* CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE \*\*\*

##### PART 4

Các con nghe ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/collin-a2-test-1-part-4>

**I. Detailed questions:** For each question, choose the correct answer.

**16. You will hear a woman talking to her friend about a meal at a restaurant.**

**What did she eat?**

- A. steak
- B. fish
- C. pasta

**17. You will hear a man explaining why he was late for work.**

**Why was he late?**

- A. He woke up late.
- B. The train was late.
- C. The bus was slow.

**II. General questions:** Listen to the entire track.

**18. Choose 2 topics that the people mentioned.**

- A. A meal
- B. Computer
- C. Holiday
- D. Beach
- E. Study

**C. HOMEWORK**

Các con nghe ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/collin-a2-test-1-part-4>

For each question, choose the correct answer.

**16. You will hear a woman talking to her friend about a meal at a restaurant.**

**What did David have?**

- A. fish
- B. steak
- C. pasta

**17. You will hear a man explaining why he was late for work.**

**How long did the bus take?**

- A. 10 minutes
- B. over an hour
- C. 2 hours

**18. You will hear two friends talking about holidays.**

**Where did Anita go?**

- A. New York
- B. Florida
- C. Los Angeles

**19. You will hear two friends talking about shopping.**

**What do they need from the supermarket?**

- A. potatoes
- B. carrots
- C. onions

**20. You will hear a man talking on the phone.**

**Why can't he come to the party?**

- A. He has to go to work early.
- B. His mother is visiting him.
- C. His mother had an accident.

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/collin-a2-test-1-part-1>

### Part 1



#### Questions 1–5

For each question, choose the correct answer.

1 How will David travel?



A



B



C

2 What time will Roger see the dentist?



A



B



C

3 How much will Vera pay for her lunch?



A



B

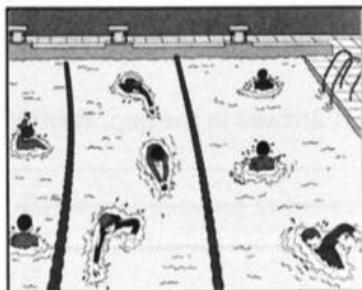


C

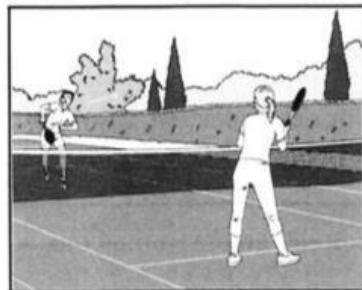
4 What will the friends do in the afternoon?



A

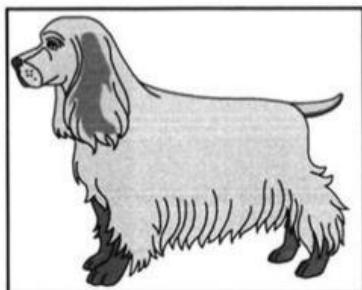


B

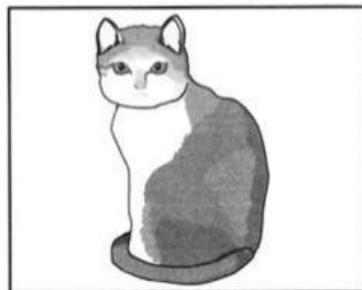


C

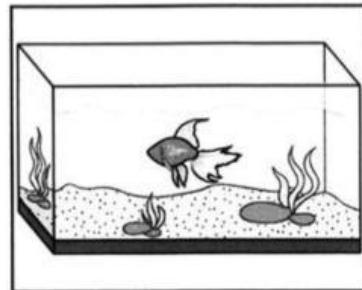
5 What pet will Janet have?



A



B



C

**\*\*\* VOCABULARY & GRAMMAR \*\*\***

**I. Match the descriptions with the correct words.**

0. <del>comes from trees and is used to make tires.</del>	A. process
1. important medicine that helps people get better	B. forest floor
2. to change something into a product	C. <del>rubber</del>
3. the bottom part of the forest	D. weather condition
4. to take air into your lungs	E. vital medicine
5. description of what the weather is like, such as rainy, sunny, or windy	F. breath in

0. <u>C</u>	1. _____	2. _____	3. _____	4. _____	5. _____
-------------	----------	----------	----------	----------	----------

**II. With each word, make a sentence with your ideas.**

0. latex (n) → Latex comes from rubber trees.

1. container (n) → I am thirsty. I will \_\_\_\_\_.

2. release (v) → Trees are very important. They \_\_\_\_\_.

3. cut off (phr.v) → With the effect of the flood, the \_\_\_\_\_.

4. bark (n) → Bark can be very useful. People can \_\_\_\_\_.

5. mineral (n) → Milk is an important drink. It \_\_\_\_\_.

**III. Put the given words in the suitable form of PAST SIMPLE or PAST CONTINUOUS.**

0. I was walking (walk) to school when I saw (see) a cute dog.

1. While she \_\_\_\_\_ (not cook), her phone \_\_\_\_\_ (ring).

2. We \_\_\_\_\_ (watch) TV when the power \_\_\_\_\_ (go) out.

3. He \_\_\_\_\_ (not fall) asleep while he \_\_\_\_\_ (read) a book.

4. The children \_\_\_\_\_ (play) in the garden when it \_\_\_\_\_ (start) to rain.

5. I \_\_\_\_\_ (drop) my phone while I \_\_\_\_\_ (run) to the bus stop.